

Số: 558/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 541/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Đậu Thị Thanh T** – Sinh năm: 1988; CCCD số: 042188000439.

Nơi thường trú, nơi ở: Căn hộ 1207 CT2a khu nhà ở **H, phường H, thành phố Hà Nội**.

- Anh **Mai Văn B** – Sinh năm: 1985; CCCD số: 038085008347.

Nơi thường trú, nơi ở: Căn hộ 1207 CT2a khu nhà ở **H, phường H, thành phố Hà Nội**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đậu Thị Thanh T** và anh **Mai Văn B** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013 tại **UBND phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 5/2025 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã cố gắng nhiều lần ngồi lại nói chuyện để giải quyết và cho nhau thêm cơ hội nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn từ tháng 12/2025. Chị **T**, anh **B** xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **T**, anh **B**

3 con chung **Mai Hữu P** – sinh ngày 18/6/2014, **Mai Nguyễn Quỳnh C** – sinh ngày 30/5/2016 và **Mai Nguyễn Minh C1** – sinh ngày 30/8/2019. Anh, chị thống nhất giao 3 con cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **B** cấp dưỡng nuôi 30.000.000 đồng/tháng/3 con (mỗi con 10.000.000 đồng/tháng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4/2026.

Anh **B** có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị **T**, anh **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị **T**, anh **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị **T** tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đậu Thị Thanh T** và anh **Mai Văn B** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **T**, anh **B**

3 con chung **Mai Hữu P** – sinh ngày 18/6/2014, **Mai Nguyễn Quỳnh C** – sinh ngày 30/5/2016 và **Mai Nguyễn Minh C1** – sinh ngày 30/8/2019. Anh chị thống nhất giao 3 con cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **B** tự nguyện cấp dưỡng nuôi 30.000.000 đồng/tháng/3 con (mỗi con 10.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh **B** có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **T**, anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung Chị **T**, anh **B** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ghi nhận việc chị **Đậu Thị Thanh T** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị **T** đã nộp theo biên lai số 0009167 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị **T** đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND phường Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THA dân sự KV 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;

### THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**